

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01/12/2022

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

2. Bà Lục Thị Tuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXHNGĐ - ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị B, sinh năm 200x;

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

2. *Bị Đơn:* Anh Nông Văn L, sinh năm 199x;

Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang chấp hành án tại đội x, phân trại số H, Trại giam số A, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt có lý do.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nông Văn T, sinh năm 196x. Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/10/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị B trình bày: Chị và anh L tổ chức đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 06/02/2020. Việc đăng ký do hai vợ chồng tự nguyện tiến hành. Sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau, nhưng sau khi chị sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không chịu đi làm, ăn chơi đua đòi thích hưởng thụ, bỏ bê không quan tâm vợ con. Đặc biệt chị phát hiện anh L nghiện ma túy, mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Vì vậy hai người đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian này anh L vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án tại trại giam số x, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng có hai con chung tên là Nông Bích P, sinh ngày 08/01/201x và Nông Bích D, sinh ngày 16/6/201x. Hiện nay hai con đang sống cùng bố mẹ anh L. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung. Hiện nay chị xác định đã không còn tình cảm với anh L nên đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/10/2022, bị đơn Nông Văn L xác nhận các vấn đề về tình cảm, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con cái, tài sản, nợ chung như chị B trình bày là đúng. Vì vậy anh L nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị B. Tuy nhiên vấn đề con chung anh L không nhất trí để chị B nuôi. Đồng thời anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông T khai: Ông là bố ruột của Nông Văn L, ông có biết việc con dâu làm đơn xin ly hôn con trai ông tại Tòa án Trưng Khánh. Hiện nay ông đang nuôi hai cháu Nông Bích P và Nông Bích D. Nay chị B làm đơn ly hôn con trai và giành quyền nuôi con ông hoàn toàn nhất trí. Vì hiện nay hai vợ chồng ông tuổi cũng đã già, ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị B được ly hôn anh Nông Văn L;
- Về con chung: Giao hai con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh L. Các bên có quyền thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn và quyền đi lại thăm nom con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;
- Về án phí: Buộc chị B phải chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Nông Văn L có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm L, xã H, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng là có căn cứ.

[2]. *Về tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn hoặc đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy tất cả đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Triệu Thị B yêu cầu ly hôn anh Nông Văn L, giành quyền nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị B và anh Nông Văn L tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 06/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị B và anh L là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 đứa con chung. Tuy nhiên, sau khi có con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không chịu tu chí làm ăn, lười lao động, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, sử dụng trái phép chất ma túy, hiện nay đang trong thời gian chấp hành án tại Trại giam số x, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 17/10/2022 anh L xác nhận trong cuộc sống hằng ngày giữa hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị B. Xét thấy việc anh L không chịu tu chí làm ăn, lười lao động và đặc biệt là sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm pháp luật là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Từ những phân tích, nhận

định trên đây, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị B và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị B và anh L có 02 con chung tên là Nông Bích P, sinh ngày 08/01/201x và Nông Bích D, sinh ngày 16/6/201x, hiện nay hai cháu đang sống cùng bố mẹ anh L. Sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề này anh L không nhất trí để chị B nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh L đang trong thời gian chấp hành án phạt tù trong trại giam, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung, mà nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con trước tiên phải là nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện nay bố mẹ anh L tuổi cũng đã cao và cũng nhất trí để chị B nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện chăm sóc tốt nhất cho hai cháu cần giao hai con chung cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về vấn đề cấp dưỡng do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Thị B được ly hôn anh Nông Văn L.
2. *Về con chung*: Giao hai cháu Nông Bích P, sinh ngày 08/01/201x và Nông Bích D, sinh ngày 16/6/201x cho chị B trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (hoặc đến khi có Bản án, Quyết định khác của Tòa án thay thế) và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh L.
Sau khi ly hôn, anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.
3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí*: Chị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, xác nhận chị đã nộp đủ.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Thành viên Hội đồng xét xử

**Thẩm phán - Chủ tọa
phiên tòa**

Đã ký

Đã ký

Lục Thị Tuyên - Nguyễn Thị Minh Tâm

Nông Văn Tùng